

## **KẾ HOẠCH**

### **Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình năm 2020**

Thực hiện Công văn số 2055/BTTTT-THH ngày 27/6/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình năm 2020 như sau:

#### **I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CNTT 2019**

##### **1. Ứng dụng CNTT để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

- Hoàn thiện việc nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh, gồm: 01 Cổng chính của Ủy ban nhân dân tỉnh, 27 Cổng thành phần của các sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố vào cuối năm 2018.

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cổng thành phần đã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. 100% thủ tục hành chính được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cổng thành phần của các cơ quan, đơn vị đảm bảo truy cập thuận tiện, công khai thông tin tới mọi người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổng số Cổng/trang thông tin điện tử là: 42, trong đó: Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh: 19/19 Cổng thông tin điện tử; UBND huyện, thành phố là: 8/8 Cổng thông tin điện tử; các cơ quan, tổ chức khác: 15 cổng/trang thông tin điện tử.

##### **2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

- Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4: 466 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (trong đó 68 dịch vụ công mức độ 4) đạt 29,2% trong tổng số 1.598 thủ tục hành chính của toàn tỉnh.

Năm 2018, đã tiếp nhận 12.277 hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 1.026 hồ sơ trực tuyến mức độ 4; đã giải quyết 12.357 hồ sơ trực tuyến mức 3, 1.010 hồ sơ trực tuyến mức độ 4.

Quý I năm 2019, đã tiếp nhận 3.560 hồ sơ trực tuyến mức 3, 156 hồ sơ trực tuyến mức 4; đã giải quyết 3.597 hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 152 hồ sơ trực tuyến mức độ 4.

- Triển khai thử nghiệm sử dụng chung phần mềm công dịch vụ công trực tuyến với Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã. Đã thực hiện triển khai kết nối liên thông Cổng dịch vụ

công trực tuyến với Hệ thống tiếp nhận và trả kết quả bưu chính công ích của Bưu điện tỉnh để sẵn sàng hỗ trợ tăng cường triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên toàn tỉnh. Các sở, ngành, địa phương đã thực hiện ban hành quy trình điện tử để triển khai giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Đã thực hiện sử dụng Mạng văn phòng điện tử liên thông để xử lý hồ sơ điện tử đã tiếp nhận.

- Địa chỉ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4: <http://dichvucong.thaibinh.gov.vn> và một số địa chỉ của các hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các ngành có liên quan.

Đề đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo quy định tại Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ; quy trình chung thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4; Quy chế phối hợp trong việc tiếp nhận hồ sơ, thực hiện và trả kết quả thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Thái Bình và nhiều văn bản chỉ đạo khác.

### **3. Ứng dụng CNTT tại Bộ phận một cửa trong việc tiếp nhận, giải quyết TTHC**

- Số cơ quan, đơn vị đã ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa là: 312/313 cơ quan; trong đó: Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh là: 18/19 cơ quan (01 cơ quan là Sở Ngoại vụ mới thành lập từ năm 2016 chưa hoàn thiện việc ban hành thủ tục hành chính); UBND huyện, thành phố là: 8/8 cơ quan; UBND xã, phường, thị trấn là: 286/286 đơn vị.

- Hiện trạng các hệ thống phần mềm ứng dụng tại bộ phận một cửa: Tỉnh Thái Bình sử dụng một hệ thống phần mềm hành chính công điện tử dùng chung được triển khai thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp huyện để thực hiện việc tiếp nhận, quản lý tiến độ của hồ sơ, thủ tục và hỗ trợ tổng hợp kết quả xử lý thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. Sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến để triển khai từ tỉnh đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nhằm thực hiện tiếp nhận hồ sơ, thủ tục trực tuyến.

- Triển khai kết nối liên thông phần mềm hành chính công điện tử với Cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông nhằm đáp ứng việc triển khai tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến đối với các dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức độ 4 đang được triển khai.

### **4. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ**

- Số cơ quan, đơn vị đã triển khai hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông tỉnh Thái Bình) là: 316/316 cơ quan; trong đó: Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh là: 22/22 cơ quan; UBND cấp huyện là: 8/8 cơ quan; UBND cấp xã là: 286/286 đơn vị.

- Hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông tỉnh Thái Bình được triển khai tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đảm bảo liên thông 3 cấp tỉnh, huyện, xã; đã thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống quản lý văn bản 4 cấp chính quyền theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ từ ngày 25/10/2017.

- Một số chỉ tiêu tỉ lệ văn bản thông kê được trên Mạng văn phòng điện tử liên thông tỉnh Thái Bình như sau:

+ Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng là: 97% (khoảng 3% văn bản mật không trao đổi bằng điện tử).

+ Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển liên thông trong phần mềm Mạng văn phòng điện tử liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã là: 100%.

- 100% công việc chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo từ cấp tỉnh đến cấp huyện được thực hiện qua Mạng văn phòng điện tử liên thông.

- Đã cấp 2.417 chứng thư số cho tổ chức để thực hiện xác thực văn bản điện tử, kê khai thuế điện tử và kê khai bảo hiểm xã hội qua mạng đồng thời cấp 2.503 chứng thư số cho cá nhân để đẩy mạnh việc ký số văn bản điện tử trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; hơn 800 bác sỹ đã thực hiện ký số bệnh án điện tử trong ngành y tế Thái Bình.

### **5. Kết quả triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu**

- Tỉnh Thái Bình đã xây dựng, triển khai 9 hệ thống thông tin và 10 cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành trong tỉnh.

- Từ năm 2018 tỉnh đã thực hiện xây dựng hệ thống phần mềm quản lý CSDL dùng chung toàn tỉnh. Trên cơ sở đó đã thực hiện chuyển đổi CSDL quản lý quy hoạch phân khu, CSDL thửa đất của thành phố Thái Bình; CSDL của ngành Thông tin và Truyền thông vào hệ thống này. Năm 2019, tiếp tục thực hiện chuyển đổi CSDL quản lý quy hoạch chi tiết, CSDL quy hoạch chung của các thị trấn trên địa bàn tỉnh; tạo lập CSDL thửa đất của các huyện, chuyển đổi dữ liệu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trên địa bàn tỉnh để thực hiện công khai các thông tin có liên quan cho người dân và doanh nghiệp đồng thời phục vụ giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Những khó khăn, vướng mắc:

+ Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa được xây dựng dựa trên nền tảng một mô hình kiến trúc tổng thể về chính quyền điện tử cấp tỉnh nói chung, mô hình tổng thể về hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành cấp tỉnh nói riêng nên chưa đáp ứng được nhu cầu chia sẻ, trao đổi, tổng hợp, khai thác dữ liệu liên ngành.

+ Công nghệ triển khai các cơ sở dữ liệu không đồng bộ do từng hạng mục cơ sở dữ liệu được triển khai theo từng năm, công nghệ được lựa chọn tại mỗi thời điểm là khác nhau. Do đó việc chia sẻ, trao đổi, tích hợp thông tin giữa các cơ sở dữ liệu hầu như không có.

- Đề xuất kiến nghị: Các Bộ, ngành sớm triển khai hoàn thiện các hệ thống thông tin, CSDL có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương đồng thời hướng dẫn các địa phương tích hợp với các hệ thống thông tin, CSDL của Trung ương để phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng của địa phương.

### **6. Hạ tầng kỹ thuật**

Cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước cơ bản được đầu tư đáp ứng nhu cầu khai thác sử dụng các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và xử lý công việc cụ thể như sau:

- Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC là 100%;

- Tỷ lệ các cơ quan trực thuộc có LAN là 100%;

- Tỷ lệ các mạng LAN kết nối WAN của tỉnh và kết nối Internet là 100%.

+ Mạng diện rộng của tỉnh Thái Bình: Là mạng chuyên dùng cấp 2 kết nối các mạng nội bộ của 100% các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn tỉnh, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh (THDL) thông qua mạng viễn thông tỉnh và kết nối tới Chính phủ qua mạng Truyền số liệu chuyên dùng. Tỉnh Thái Bình đã triển khai hoàn thiện Mạng diện rộng từ tỉnh, huyện đến 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn nhằm đồng bộ cơ sở hạ tầng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và kết nối thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền.

- Hạ tầng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin:

+ Tại Trung tâm THDL của tỉnh: Đã được đầu tư máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị tường lửa lớp mạng, thiết bị phát hiện tấn công có chủ đích (APT), thiết bị bảo mật và lọc thư rác chuyên dụng nên đáp ứng để cài đặt triển khai cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, cơ bản đáp ứng yêu cầu bảo mật tối thiểu để phát hiện được các tấn công vào máy chủ; tường lửa trong Trung tâm THDL của tỉnh được Ban Cơ yếu chính phủ hỗ trợ giám sát an ninh mạng. Trước tình hình mất an toàn an ninh trong thời gian qua, năm 2019 Trung tâm THDL của tỉnh đang được ưu tiên đầu tư thêm 02 thiết bị tường lửa thay thế cho thiết bị tường lửa cũ đã hết thời gian hỗ trợ của hãng; 01 thiết bị quản lý chính sách và giải pháp để quản lý diệt virus tập trung (trong đó có licence phần mềm phòng chống virus tập trung (Endpoint) cho 5000 user. Xây dựng cơ sở hạ tầng ban đầu của Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng để phát hiện kịp thời và phòng chống các dạng tấn công, như: Tấn công từ chối dịch vụ (DOS), dò quét cổng và khai thác lỗ hổng trong các hệ thống thông tin.

+ 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện có trang bị thiết bị tường lửa lớp mạng (Firewall) để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống mạng nội bộ của cơ quan, đơn vị.

## **7. Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT**

- Tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện có 50 cán bộ chuyên môn và phụ trách về CNTT; tại các đơn vị sự nghiệp tỉnh, cấp huyện có 116 viên chức có trình độ chuyên môn về CNTT; 100% cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện được tập huấn, đào tạo có kỹ năng sử dụng, khai thác các ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh để triển khai phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng.

- Thuận lợi: Công tác chuẩn bị nguồn nhân lực phục vụ cho ứng dụng và phát triển CNTT được tỉnh quan tâm, bước đầu đã xây dựng được đội ngũ cán bộ chuyên môn đủ trình độ và năng lực đảm đương các nhiệm vụ cơ bản của ngành, lĩnh vực.

- Khó khăn: Cán bộ phụ trách về CNTT tại các cơ quan, đơn vị còn thiếu; một số cơ quan còn phải bố trí cán bộ kiêm nhiệm do chưa tuyển được cán bộ có trình độ CNTT; kiến thức, kinh nghiệm về quản trị mạng và an toàn thông tin chưa theo kịp nhu cầu thực tế; chưa chủ động trong việc tham mưu đẩy mạnh ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị.

## **8. Môi trường pháp lý**

- Năm 2019, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chính sách, đề án, kế hoạch, quy định để tạo môi trường pháp lý, thuận lợi trong việc triển khai hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính đặc biệt là công tác hiện đại hóa nền hành



chính làm thay đổi cách thức làm việc từ truyền thống (làm việc trên giấy tờ) sang hiện đại (làm việc trên môi trường mạng, không giấy tờ) và đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

## **9. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2019**

Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 11/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình năm 2019 và Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình giai đoạn 2017-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh như sau:

### **9.1. Mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch**

- Triển khai thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình: Đầu tư Hệ thống nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

- Các dự án, nhiệm vụ để xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình: Đầu tư bổ sung thiết bị cho Trung tâm THDL của tỉnh; chuẩn hóa, chuyển đổi một số CSDL tập trung của tỉnh vào Hệ thống nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh.

- Các nhiệm vụ chung khác của tỉnh: Thuê dịch vụ Hội nghị truyền hình tại 9 điểm cầu; thuê dịch vụ vận hành, triển khai Công dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; triển khai xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình, phiên bản 2.0; bổ sung các tính năng của Mạng Văn phòng điện tử liên thông để đáp ứng việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Các nhiệm vụ, đề án của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh: Cơ sở dữ liệu của ngành Tài nguyên và Môi trường; Đề án số hóa tài liệu lưu trữ tại kho lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Bình; nâng cấp và chuyển đổi phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức tỉnh Thái Bình; Đề án phát triển CNTT trong công tác quản lý tài chính tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020.

### **9.2. Kết quả hoàn thành thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các Kế hoạch năm 2019**

- Dự án đầu tư xây dựng, hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình đang thực hiện: Đầu tư Hệ thống nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP) cấp tỉnh (giai đoạn 1) và đầu tư thiết bị quản lý chính sách và giải pháp để quản lý diệt virus tập trung (trong đó có licence phần mềm phòng chống virus tập trung (Endpoint) cho 5.000 user.

- Nhiệm vụ sự nghiệp từ Trung ương năm 2018: Hết Quý I năm 2019, đã hoàn thành: Chuyển đổi CSDL dùng chung của tỉnh (Chuyển đổi CSDL Quản lý quy hoạch của 06 đồ án phân khu tỉ lệ 1:2000 trên địa bàn tỉnh; chuyển đổi CSDL thửa đất của 19 xã/phường thuộc thành phố Thái Bình; chuyển đổi các CSDL Thông tin và Truyền thông; thực hiện chuẩn hóa quy trình điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện.

- Nhiệm vụ sự nghiệp từ Trung ương năm 2019: Thực hiện tạo lập, chuẩn hóa CSDL, gồm: Xây dựng CSDL của 11 quy hoạch chi tiết trên địa bàn tỉnh; thực hiện chuyển đổi dữ liệu thửa đất cấp huyện phục vụ cung cấp thông tin đất đai, quy

hoạch cho người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư; thực hiện chuẩn hóa quy trình điện tử của các thủ tục hành chính để triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của tỉnh (dự kiến hoàn thành trong năm 2019).

- Đối với nhiệm vụ sự nghiệp từ ngân sách tỉnh: Đầu tư bổ sung 02 thiết bị tường lửa và hệ thống nguồn dự phòng cho Trung tâm THDL của tỉnh; xây dựng CSDL dùng chung của tỉnh, gồm: 7 quy hoạch chung của các thị trấn thuộc 7 huyện; chuyển đổi CSDL quy hoạch sử dụng đất huyện, thành phố vào CSDL dùng chung của tỉnh để công khai thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư.

+ Phê duyệt Kế hoạch và đang thực hiện thủ tục thuê dịch vụ vận hành, triển khai Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh.

+ Thực hiện duy trì thuê hệ thống hội nghị truyền hình tại 09 điểm cầu và tăng cường họp trực tuyến tại các điểm cầu.

### **9.3. Những nhiệm vụ chưa hoàn thành**

- Chưa triển khai xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình, phiên bản 2.0.

- Chưa bố trí vốn để thực hiện nâng cấp bổ sung các tính năng của Mạng Văn phòng điện tử liên thông đáp ứng theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 01/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

## **10. Đánh giá đầu tư cho xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình**

*(Có phụ lục 01 kèm theo)*

### **11. Những vướng mắc, tồn tại và nguyên nhân**

a) Chưa triển khai xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình, phiên bản 2.0 vì Bộ Thông tin và Truyền thông chưa ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0 để hướng dẫn các địa phương.

b) Chưa bố trí vốn để nâng cấp bổ sung các tính năng của Mạng Văn phòng điện tử liên thông do Mạng Văn phòng điện tử liên thông mới được nâng cấp năm 2018 trước khi có Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ.

c) Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thông tin phục vụ xử lý dịch vụ công trực tuyến; số lượng hồ sơ gửi trực tuyến ít do người dân chưa có thói quen giao dịch điện tử trong nội, kê khai hồ sơ để thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

d) Các hạng mục của dự án: Đầu tư xây dựng hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh chưa được triển khai đồng bộ và chưa phát huy hiệu quả do nguồn vốn bố trí để thực hiện các đề án, dự án về ứng dụng CNTT theo Quyết định đã phê duyệt từ tỉnh và Trung ương còn chậm và hạn chế.

### **12. Kiến nghị, đề xuất**

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông: Kiến nghị với các cơ quan Trung ương đẩy nhanh tiến độ xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu quốc gia, CSDL Bộ, ngành; xây dựng cơ chế chính sách tạo hành lang pháp lý trong việc đảm bảo tính pháp lý của hồ sơ điện tử, thanh toán điện tử.

## **II. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Luật An toàn thông tin;
- Các Nghị định của Chính phủ: Số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; số 19-2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 về việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo;
- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 17/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020;
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020; số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020; số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 phê duyệt Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020; số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 triển khai tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2018-2019;
- Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0;
- Kế hoạch số 114-KH/TU ngày 12/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng; Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 12/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh quốc gia;
- Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 2769/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 phê duyệt Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020; số 312/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình, phiên bản 1.0; số 1773/QĐ-UBND ngày 30/06/2017 ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình giai đoạn 2017-2020; số 838/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 phê duyệt Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 17/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020 định hướng đến 2025 của tỉnh Thái Bình;
- Chương trình hành động số 43/CTHĐ-UBND ngày 08/5/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về chiến lược an ninh mạng quốc gia của tỉnh Thái Bình.

## **III. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển và ứng dụng CNTT góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai thực hiện thành công Đề án xây

dựng Chính quyền điện tử tỉnh giai đoạn 2016-2020, Đề án đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2016-2020 định hướng đến năm 2030 trên cơ sở Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh đã được phê duyệt; kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh giai đoạn 2017-2020 và thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

## **2. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu**

### ***a) Về hạ tầng kỹ thuật***

- Tiếp tục nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh để thực hiện điều hành, giám sát các dịch vụ của thành phố thông minh tỉnh Thái Bình sẽ hình thành trong các năm tới.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu dự phòng của tỉnh để đảm bảo mọi hoạt động chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp luôn thông suốt trong mọi tình huống.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống nền tảng, tích hợp, chia sẻ (LGSP) của tỉnh.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành dùng chung của tỉnh phục vụ nhu cầu khai thác của các cơ quan nhà nước trong triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên; tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan theo ngành dọc và kết nối liên ngành nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng.

- Tiếp tục nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật của các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã nhằm đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử cấp huyện, cấp xã.

### ***b) Ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực điều hành, quản lý của các cơ quan nhà nước***

- Triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh đã được phê duyệt.

- Hoàn thành việc thuê dịch vụ vận hành, triển khai Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh để sử dụng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

- Tăng cường ứng dụng hợp trực tuyến với các cuộc họp từ Trung ương đến tỉnh và cấp huyện. Triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc đến các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện.

- Triển khai các dịch vụ của Đô thị thông minh trên một số lĩnh vực.

### ***c) Ứng dụng CNTT phục vụ nhân dân và doanh nghiệp***

- Thực hiện các giải pháp tích hợp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước để cung cấp đầy đủ thông tin và phản hồi, giải đáp trực tuyến tới người dân và doanh nghiệp. Thực hiện triển khai Cổng thông tin điện tử đến cấp xã.

- Đẩy mạnh hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã để phục vụ nhân dân và doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả.

- Thực hiện tăng cường tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để người dân, doanh nghiệp khai thác và sử dụng. Đẩy mạnh triển khai



dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 từ cấp xã nhằm tạo mọi thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**d) Triển khai ứng dụng các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh**

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp Trung tâm Giám sát điều hành an toàn thông tin mạng của tỉnh để đảm bảo đủ năng lực giám sát, điều hành, phát hiện, cảnh báo sớm các tấn công vào Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh và các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện.

- Tiếp tục đầu tư bổ sung thiết bị bảo mật, trang thiết bị phần cứng và triển khai các giải pháp để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống ứng dụng CNTT dùng chung trong Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh phục vụ cung cấp dữ liệu cho Trung tâm điều hành giám sát an toàn thông tin mạng của tỉnh.

- 100% cơ quan nhà nước các cấp và đơn vị trực thuộc được triển khai phần mềm diệt virus có bản quyền quản lý tập trung (endpoint security).

**đ) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển và ứng dụng CNTT**

- Kết hợp tổ chức hội thảo, đào tạo để nâng cao nhận thức, kiến thức về an toàn thông tin; tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, công chức của các cơ quan nhà nước; nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành thông qua đào tạo, tập huấn lồng ghép trong các dự án ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn chuyên sâu về quản trị mạng; bảo mật và an toàn, an ninh thông tin mạng cho cán bộ phụ trách CNTT.

#### **IV. NỘI DUNG**

##### **1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước**

Thực hiện nâng cấp Mạng văn phòng điện tử liên thông của tỉnh theo các quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ để đảm bảo kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia; ứng dụng các giải pháp kỹ thuật tăng cường quản lý, giám sát, kiểm soát trong gửi, nhận văn bản và ký số điện tử để bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; tích hợp với hệ thống thư điện tử của tỉnh đáp ứng yêu cầu kết nối liên thông các hệ thống thông tin trong xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh.

##### **2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

- Đẩy mạnh triển khai cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh Thái Bình đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Thuê dịch vụ triển khai, vận hành Cổng dịch vụ công trực tuyến đến 100% Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã đảm bảo việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến, liên thông các cấp.

- Thực hiện tích hợp các hệ thống thông tin, CSDL của ngành, địa phương vào hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu cùng chung của tỉnh đồng thời công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các cổng thành phần và các hệ thống thông tin khác để phục vụ nhu cầu khai thác thông tin của người dân và doanh nghiệp.

- Bổ sung chức năng của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện để hỗ trợ công dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

### **3. Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành**

Thực hiện kết nối đồng bộ, thống nhất với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã triển khai của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do các Bộ, ngành Trung ương triển khai bảo đảm kết nối, chia sẻ và liên thông các cấp đồng thời tuân thủ Kiến trúc Chính phủ điện tử, Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các văn bản hướng dẫn khác của Bộ Thông tin và Truyền thông.

### **4. Phát triển nguồn nhân lực**

- Tập huấn về xây dựng, triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh, phiên bản 2.0; tăng cường truyền thông, tập huấn để sử dụng các dịch vụ công của Chính quyền điện tử.

- Lòng ghép đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin dùng chung và chuyên ngành khi triển khai thực hiện các dự án.

- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ phụ trách về CNTT các nội dung chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống; an toàn thông tin mạng.

### **5. Phát triển hạ tầng kỹ thuật**

- Tiếp tục nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật của các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã nhằm đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử đến cấp xã, như: Đầu tư máy tính để thay thế các máy tính quá cũ, lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu công việc; đầu tư hạ tầng mạng, nâng dung lượng kết nối đường truyền; đầu tư hạ tầng an toàn thông tin với yêu cầu: Đầu tư theo hướng đồng bộ, thống nhất.

Khi trang bị máy tính, thiết bị văn phòng cho cơ quan, đơn vị cần thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn, định mức được quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

- Tiếp tục ưu tiên thực hiện các hạng mục của Dự án: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình đã được phê duyệt.

- Tăng cường tạo lập, chuyển đổi, chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành của tỉnh phục vụ nhu cầu khai thác của các cơ quan nhà nước trong triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, theo ngành dọc và kết nối liên ngành nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng.

### **6. Triển khai một số nội dung của Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình**

- Ưu tiên triển khai xây dựng Khung kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Thái Bình; Đề án xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2019-2025, định hướng đến 2030.

- Ưu tiên đầu tư triển khai một số nhóm ứng dụng của Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình, như: Hệ thống giám sát bảo mật thông tin; ứng dụng phản ánh hiện trường; giám sát dịch vụ hành chính công; giám sát thông tin truyền thông, báo chí; thuê hệ thống Camera thông minh để giám sát an ninh, trật tự xã hội; hệ thống thông tin báo cáo; hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc.

- Tiếp tục đầu tư bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Giám sát điều hành an ninh mạng của tỉnh để đảm bảo an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của toàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện đầu tư nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để tích hợp, quản lý các dịch vụ của Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình đồng thời có dữ liệu vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng của tỉnh. Trong giai đoạn 2-3 năm tới, khi có nhiều dịch vụ của Đô thị thông minh thì tiếp tục đầu tư thiết bị và phần mềm để nâng cấp thành Trung tâm điều hành, giám sát, xử lý dữ liệu tập trung đa nhiệm (Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh) của tỉnh Thái Bình.

- Làm sạch các hệ thống thông tin hiện có của tỉnh, đẩy mạnh quản trị dữ liệu tập trung trên cơ sở tích hợp các ứng dụng, dịch vụ của Đô thị thông minh vào Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- Đầu tư thuê Trung tâm dữ liệu dự phòng của tỉnh.

## **7. Bảo đảm an toàn thông tin**

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Công nghệ thông tin và Giám sát an ninh mạng - Ban Cơ yếu Chính phủ trong việc đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh tại Trung tâm THDL.

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan nhà nước trên địa bàn thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng tại các cơ quan, đơn vị.

- Phát huy hiệu quả hoạt động của Đội ứng cứu sự cố an toàn an ninh thông tin mạng; thực hiện tốt việc chủ động đảm bảo an toàn thông tin mạng tại Trung tâm THDL của tỉnh và tại các cơ quan, đơn vị.

- Triển khai phần mềm diệt virus có bản quyền quản lý tập trung (EndPoint Security) đến 100% cơ quan nhà nước các cấp và đơn vị trực thuộc.

- Phát huy hiệu quả của Trung tâm Giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng của tỉnh trong hoạt động giám sát, cảnh báo sớm để kịp thời xử lý sự cố đối với Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh và hệ thống mạng máy tính của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã.

## **V. GIẢI PHÁP**

### **1. Giải pháp môi trường chính sách**

- Tổ chức rà soát, triển khai có hiệu quả các văn bản của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và của tỉnh về lĩnh vực CNTT.

- Xây dựng, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh Thái Bình theo Kiến trúc Chính phủ điện tử sẽ được sửa đổi, bổ sung.

- Rà soát hoàn thiện, bổ sung các cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công do cơ quan nhà nước cung cấp qua môi trường mạng; Chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ phụ trách CNTT trong các

cơ quan nhà nước; Quy định gắn kết chặt chẽ hoạt động ứng dụng CNTT của tổ chức, của cán bộ, công chức với công tác bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Nguồn tài chính thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch được ưu tiên bố trí từ nguồn đầu tư phát triển và nguồn kinh phí sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị; tăng cường tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương và nguồn vốn hợp pháp khác nhằm giảm mức đầu tư ban đầu, tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Kinh phí thực hiện kế hoạch là: **132.618,656** triệu đồng.

Trong đó:

+ Nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương là: **56.680** triệu đồng.

+ Nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh là: **48.438,656** triệu đồng (*trong đó kinh phí thực hiện các dự án chuyển tiếp của các cơ quan là: 23.518 triệu đồng*).

+ Nguồn kinh phí từ các nguồn hợp pháp khác: **27.500** triệu đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục 02: Danh mục nhiệm vụ, dự án kèm theo).*

### **3. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính**

- Thực hiện Chương trình phối hợp thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính giai đoạn 2017-2020 (*Văn bản số 3035/CTPH-BTTTT-BNV ngày 22/8/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ*);

- Thực hiện chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

### **4. Giải pháp tổ chức, triển khai**

- Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình; nâng cao vai trò người đứng đầu các cơ quan nhà nước; phát huy tối đa vai trò quản lý nhà nước, tổ chức triển khai ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình, Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình trong giai đoạn tới.

- Bảo đảm đẩy mạnh triển khai ứng dụng CNTT trên cơ sở tuân thủ Kiến trúc Chính phủ điện tử, Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh Thái Bình.

## **VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN**

1. Dự án: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình thuộc chương trình mục tiêu về CNTT giai đoạn 2016-2020.

2. Triển khai một số nội dung của Thành phố thông minh tỉnh Thái Bình.

3. Các dự án, nhiệm vụ năm 2020 thuộc Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020.

4. Thực hiện bằng nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ dùng chung của toàn tỉnh theo các Quyết định của UBND tỉnh.

5. Thực hiện triển khai một số nhiệm vụ ứng dụng CNTT nguồn vốn sự nghiệp đăng ký với Trung ương năm 2020.

6. Các nhiệm vụ, đề án của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh (thực hiện chuyển tiếp).

7. Các nhiệm vụ sự nghiệp của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh (Các đơn vị chủ động sử dụng nguồn kinh phí tự chủ, kinh phí sự nghiệp trong dự toán được giao để thực hiện nhiệm vụ).



## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2019 của ngành, đơn vị mình theo nhiệm vụ, dự án đã đăng ký tại các phụ lục của Kế hoạch này; thực hiện triển khai kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông).

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; thực hiện thẩm định các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình và Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình giai đoạn 2017-2020 đã phê duyệt và Kế hoạch này. Tăng cường lồng ghép các hoạt động và sử dụng có hiệu quả kinh phí sự nghiệp thông tin và truyền thông, vốn chương trình mục tiêu công nghệ thông tin và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền được giao tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Nhận Kế hoạch này, yêu cầu các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện.

### Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lưu: VT, VX.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng Giang

**Phụ lục 01: Đánh giá đầu tư cho xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình**  
(Kèm theo Kế hoạch số 11/QĐ /KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Kinh phí đang giải ngân (tỷ đồng)	Nguồn vốn (NSTW; NSĐP; vốn ODA, ...)
1	Đầu tư xây dựng hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình.	Sở Thông tin và Truyền thông	CNTT	Đầu tư để hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình	Đầu tư Hệ thống nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP) cấp tỉnh (giai đoạn 1) và đầu tư thiết bị quản lý chính sách và giải pháp để quản lý diệt virus tập trung của tỉnh.	Tại Trung tâm THDL của tỉnh	45	10	Ngân sách địa phương
2	Đầu tư bổ sung thiết bị cho Trung tâm THDL của tỉnh và chuyển đổi, chuẩn hóa các CSDL để dùng chung của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	CNTT	Đầu tư bổ sung thiết bị cho Trung tâm THDL của tỉnh và xây dựng chuẩn hóa các CSDL để dùng chung của tỉnh	Đầu tư bổ sung 02 thiết bị tường lửa và hệ thống nguồn dự phòng; tạo lập và chuẩn hóa CSDL gồm 7 quy hoạch chung của các thị trấn thuộc 7 huyện; quy hoạch sử dụng đất huyện, thành phố.	Tại Trung tâm THDL của tỉnh	19,5	2,7	Ngân sách địa phương
3	Các nhiệm vụ từ nguồn vốn sự nghiệp Trung ương	Sở Thông tin và Truyền thông	CNTT	Tạo lập, chuyển đổi, chuẩn hóa CSDL dùng	Chuyển đổi CSDL Quản lý quy hoạch của 06 đồ án phân khu, 11 quy hoạch chi	Tại Trung tâm THDL	8,2	2,0	Ngân sách sự nghiệp Trung ương

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Kinh phí đang giải ngân (tỷ đồng)	Nguồn vốn (NSTW; NSDP; vốn ODA, ...)
				chung của tỉnh	tiết Chuyển đổi CSDL thửa đất các xã/phường/ thị trấn thuộc tỉnh. Chuyển đổi CSDL Thông tin và Truyền thông; thực hiện chuẩn hóa quy trình điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	của tỉnh và công khai số liệu quy hoạch, thửa đất của toàn tỉnh			
4	Thuê dịch vụ Hội nghị truyền hình	Sở Thông tin và Truyền thông	CNTT	Thuê dịch vụ Hội nghị truyền hình tại 09 điểm cầu	Thuê dịch vụ Hội nghị truyền hình để triển khai tại 09 điểm cầu (UBND tỉnh và 08 UBND huyện, thành phố	Tại 9 điểm cầu	0,997.656/năm	0,997.656/năm	Ngân sách địa phương

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Kinh phí đang giải ngân (tỷ đồng)	Nguồn vốn (NSTW; NSDP; vốn ODA, ...)
5	Đầu tư xây dựng CSDL ngành Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	CNTT	Đầu tư xây dựng phần mềm và các CSDL ngành Tài nguyên và Môi trường	Đầu tư xây dựng phần mềm và các CSDL ngành Tài nguyên và Môi trường	Tại Sở Tài nguyên và Môi trường	9,198	2,5	Ngân sách địa phương
6	Nâng cấp hệ thống quản lý cán bộ công chức, viên chức	Sở Nội vụ	CNTT	Đầu tư để thực hiện quản lý cán bộ công chức, viên chức	Đầu tư phần cứng và phần mềm để thực hiện quản lý cán bộ công chức, viên chức	Tại Trung tâm THDL của tỉnh	7,4	2,3	Ngân sách địa phương



TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Kinh phí đang giải ngân (tỷ đồng)	Nguồn vốn (NSTW; NSDP; vốn ODA, ...)
7	Đề án số hóa tài liệu lưu trữ tại Kho lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Bình	Sở Nội vụ	CNTT	Thực hiện án số hóa tài liệu lưu trữ	Thực hiện án số hóa tài liệu lưu trữ	Tại Kho lưu trữ lịch sử tỉnh	1,0	1,0	Ngân sách địa phương
8	Đề án phát triển công nghệ thông tin trong công tác quản lý tài chính tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020	Sở Tài chính	CNTT	Cải tiến quy trình nghiệp vụ theo hướng ứng dụng CNTT, giúp tăng cường hiệu quả điều hành tài chính	Bổ sung dữ liệu dự toán từ Tabmis; hỗ trợ quyết toán tại STC và hỗ trợ các hoạt động khác của Sở Tài chính và các đơn vị tài chính	Sở Tài chính	30,0	6,0	Ngân sách địa phương
<b>Tổng</b>							<b>121,295.656</b>	<b>27,497.656</b>	

**Phụ lục 02: Danh mục nhiệm vụ, dự án đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình năm 2020**

*(Kèm theo Kế hoạch số 112 /KH-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Khối lượng thực hiện	Địa điểm triển khai	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến				
								NSTW		NSĐP		Nguồn hợp pháp khác
								Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
<b>I</b>	<b>Thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện nên tầng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình</b>						<b>45.000</b>	<b>12.000</b>				
1	Triển khai các nội dung của Dự án Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng nên tầng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình	Tiếp tục triển khai các nội dung của Dự án Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng nên tầng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình	Tiếp tục triển khai Dự án Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng nên tầng Chính quyền điện tử tỉnh	Các nội dung còn lại của Dự án	Trung tâm THDL của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	45.000	12.000				
<b>II</b>	<b>Triển khai một số nội dung của Thành phố thông minh tỉnh Thái Bình</b>						<b>90.000</b>	<b>37.500</b>			<b>13.000</b>	<b>27.500</b>

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Khối lượng thực hiện	Địa điểm triển khai	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến				
								NSTW		NSDP		Nguồn hợp pháp khác
								Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
2.1	Đầu tư bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm điều hành giám sát an ninh mạng của tỉnh	Đầu tư bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm điều hành giám sát an ninh mạng của tỉnh	Đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm điều hành giám sát an ninh mạng của tỉnh	Đầu tư bổ sung trang thiết bị	Trung tâm điều hành giám sát an ninh mạng của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	30.000	15.000				15.000
2.2	Nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh để giám sát một số nội dung của Thành phố thông minh	Đầu tư bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh để giám sát một số nội dung của Thành phố thông minh	Đầu tư bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh	Đầu tư bổ sung trang thiết bị	Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	20.000	10.000				10.000

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Khối lượng thực hiện	Địa điểm triển khai	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến				
								NSTW		NSDP		Nguồn hợp pháp khác
								Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
2.3	Làm sạch các hệ thống CNTT dùng chung trong Trung tâm THDL	Rà quét virus, mã độc, khắc phục lỗ hổng bảo mật của các hệ thống CNTT dùng chung trong Trung tâm THDL	Rà quét virus, mã độc, khắc phục lỗ hổng bảo mật của các hệ thống CNTT dùng chung	Các biện pháp đảm bảo toàn, an ninh thông tin	Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	5.000	2.500				2.500
2.4	Đầu tư thuê Trung tâm dữ liệu dự phòng của tỉnh	Đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm dữ liệu dự phòng của tỉnh	Đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm dữ liệu dự phòng của tỉnh	Đầu tư trang thiết bị	Trung tâm dữ liệu dự phòng của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	15.000				3.000	
2.5	Đầu tư các	Gồm: Giám	Đầu tư	Đầu tư	Trung	Sở	20.000	10.000			10.000	



TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Khối lượng thực hiện	Địa điểm triển khai	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến				
								NSTW		NSDP		Nguồn hợp pháp khác
								Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
	nhóm ứng dụng của Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình	sát, điều hành giao thông và an ninh, Hệ thống thông tin phân ảnh hiện trường; giám sát dịch vụ hành chính công; giám sát thông tin truyền thông, báo chí; giám sát, bảo mật an toàn thông tin	bổ sung các ứng dụng cho Trung tâm dữ liệu dự phòng của tỉnh	dịch vụ của Đô thị thông minh	tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh	Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan						
<b>III</b>	<b>Thực hiện các nội dung thuộc Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020</b>						<b>5.000</b>		<b>2.000</b>		<b>3.000</b>	
3.1	Tăng cường chuyển đổi số: Tạo lập,	Tạo lập, chuẩn hóa, chuyển đổi	Tạo lập, chuẩn hóa,	CSDL chuyên ngành để	Trung tâm THDL	Sở Thông tin và	5.000		2.000		3.000	

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Khối lượng thực hiện	Địa điểm triển khai	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến				
								NSTW		NSDP		Nguồn hợp pháp khác
								Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
	chuẩn hóa, chuyển đổi một số CSDL tập trung của tỉnh vào Hệ thống nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh	một số CSDL tập trung của tỉnh vào Hệ thống nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh	chuyển đổi một số CSDL tập trung của tỉnh vào Hệ thống nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh	dùng chung	của tỉnh	Truyền thông và các cơ quan có liên quan						
<b>IV</b>	<b>Thực hiện bằng nguồn vốn sự nghiệp các nhiệm vụ dùng chung của toàn tỉnh (ngoài DAĐT)</b>											
4.1	<b>Thuê dịch vụ CNTT</b>						<b>4.119,656</b>				<b>4.119,656</b>	
4.1.1	Thuê Dịch vụ Hội nghị truyền hình	Thuê Dịch vụ Hội nghị truyền hình tại	Thuê Dịch vụ Hội nghị	09 điểm cầu	VPUBN D tỉnh và 08 UBND	Sở Thông tin và Truyền	997,656				997,656	

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Khối lượng thực hiện	Địa điểm triển khai	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến				
								NSTW		NSDP		Nguồn hợp pháp khác
								Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
		V PUBND tỉnh và 08 UBND các huyện, thành phố	truyền hình tại 09 điểm cầu		các huyện, thành phố	thông						
4.1.2	Thuê dịch vụ vận hành, triển khai Công dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Đề triển khai thực hiện DVCTT mức độ 3, 4 từ tỉnh đến xã theo đúng các nội dung tại Quyết định 2339/QĐ-UBND ngày 17/9/2018	Đảm bảo Công dịch vụ công trực tuyến kết nối với Cổng DVC quốc gia, CSDL quốc gia về dân cư và công	01 hệ thống để triển khai trong toàn tỉnh	Trung tâm THDL của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	1.122					1.122

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Khối lượng thực hiện	Địa điểm triển khai	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến					
								NSTW		NSĐP		Nguồn hợp pháp khác	
								Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp		
			thanh toán quốc gia										
4.1.3	Thuê triển khai Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc	Đáp ứng các yêu cầu hội họp của UBND tỉnh và của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện	Kết nối liên thông với Mạng Văn phòng điện tử liên thông để tra cứu tức thời các văn bản có liên quan	01 hệ thống dùng chung	Trung tâm THDL của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	1.000					1.000	
4.1.4	Triển khai thuê Hệ thống thông tin báo cáo	Đáp ứng các Quy định chế độ báo cáo định kỳ	Đáp ứng các Quy định chế	01 hệ thống dùng chung	Trung tâm THDL của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền	1.000					1.000	

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Khối lượng thực hiện	Địa điểm triển khai	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến				
								NSTW		NSDP		Nguồn hợp pháp khác
								Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
	của tỉnh	phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình	độ báo cáo định kỳ và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ	trong toàn tỉnh		thông						
4.2	<b>Các nội dung đề nghị bố trí vốn năm 2020 để thực hiện theo các nhiệm vụ đã giao của UBND tỉnh</b>						<b>4.800</b>				<b>4.800</b>	
4.2.1	Triển khai xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình, phiên bản 2.0	Triển khai xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình, phiên bản 2.0	Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình, phiên	01 Khung kiến trúc	Trung tâm THDL của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan	1.000				1.000	

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Khối lượng thực hiện	Địa điểm triển khai	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến					
								NSTW		NSDP		Nguồn hợp pháp khác	
								Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp		
			bản 2.0										
4.2.2	Triển khai xây dựng Đề án và Khung Kiến trúc thành phố thông minh tỉnh Thái Bình đến năm 2030	Triển khai xây dựng Đề án và Khung Kiến trúc thành phố thông minh tỉnh Thái Bình đến năm 2030	Đảm bảo đáp ứng đúng Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh (phiên bản 1.0)	01 Khung Kiến trúc và 01 Đề án	Trung tâm THDL của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan	1.000					1.000	
4.2.3	Bổ sung các tính năng của Mạng Văn phòng điện tử liên thông để đáp ứng việc gửi, nhận văn	Bổ sung các tính năng của Mạng Văn phòng điện tử liên thông để đáp ứng quy	Đảm bảo đáp ứng các quy định tại Quyết định	01 hệ thống để triển khai trong toàn tỉnh	Trung tâm THDL của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	1.200					1.200	

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Khối lượng thực hiện	Địa điểm triển khai	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến				
								NSTW		NSDP		Nguồn hợp pháp khác
								Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
	bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước	định tại Quyết định 28/2018/QĐ- TTg và Thông tư 01/2019/TT- BNV	28/2018 /QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ Thông tư 01/2019 /TT- BNV của Bộ Nội vụ									
4.2.4	Triển khai Chuyển đổi IPV4 sang IPV6	Chuyển đổi IPV4 sang IPV6 cho các hệ thống dùng chung của tỉnh	Đáp ứng thực tế các yêu cầu trong Trung tâm THDL của tỉnh		Trung tâm THDL của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	1.600				1.600	

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Khối lượng thực hiện	Địa điểm triển khai	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến				
								NSTW		NSDP		Nguồn hợp pháp khác
								Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
V	Chi phí triển khai một số nhiệm vụ ứng dụng CNTT nguồn vốn sự nghiệp đăng ký với Trung ương năm 2020						5.180		5.180			
VI	Các nhiệm vụ, đề án của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh (thực hiện chuyển tiếp)						28.818				23.518	
6.1	Cơ sở dữ liệu của ngành Tài nguyên và môi trường					Sở Tài nguyên và Môi trường	9.198				6.198	
6.2	Đề án Số hóa tài liệu lưu trữ tại Kho lưu trữ tỉnh Thái Bình			Số hóa tài liệu phong thi đua khen thưởng	Ban Thi đua khen thưởng	Sở Nội vụ	4.710				4.710	
6.3	Nâng cấp và chuyển đổi CSDL phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức tỉnh Thái Bình	Nâng cấp phần mềm và chuyển đổi cơ sở dữ liệu cán bộ viên chức	Nâng cấp phần mềm và chuyển đổi cơ sở dữ liệu		Đầu tư phần cứng, phần mềm và thực hiện chuyển đổi cơ sở dữ liệu	Sở Nội vụ	7.990				5.690	



TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Khối lượng thực hiện	Địa điểm triển khai	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến				
								NSTW		NSDP		Nguồn hợp pháp khác
								Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
6.4	Trang bị máy tính, máy in cho Sở Tài chính, PTC và các xã				Sở Tài chính và các đơn vị	Sở Tài chính	5.180				5.180	
6.5	Cập nhật, rà soát thông tin vào phần mềm phát triển thị trường lao động					Sở Lao động Thương binh và xã hội	1740				1740	
	<b>Tổng cộng</b>						<b>182.918,656</b>	<b>49.500</b>	<b>7.180</b>		<b>48.438,656</b>	<b>27.500</b>

**Phụ lục 03: Danh mục nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn vốn sự nghiệp trong năm của các cơ quan, đơn vị**  
(Kèm theo Kế hoạch số 112 /KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN CƠ QUAN	NỘI DUNG ĐẦU TƯ	KINH PHÍ
<b>1</b>	<b>Nâng cấp cơ sở hạ tầng</b>		<b>7.872</b>
1	Sở Tư pháp	Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị CNTT của cơ quan	27
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở dữ liệu	80
3	UBND Thành phố	Nâng cấp, lắp đặt mới trang thiết bị cơ sở hạ tầng ứng dụng CNTT	160
4	Sở Xây dựng	Nâng cấp, lắp đặt mới cơ sở hạ tầng ứng dụng CNTT; trang bị thiết bị sao lưu dữ liệu tại phòng máy chủ	110
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nâng cấp lắp đặt mới máy chủ, trang bị thiết bị sao lưu dữ liệu tại phòng máy chủ; nâng cấp hệ thống mạng LAN; mạng LAN, máy trạm tại 6 đơn vị sự nghiệp	750
6	Sở Y tế	Đầu tư cơ sở hạ tầng triển khai phần mềm quản lý hoạt động trạm y tế xã, phường, thị trấn	4.300
7	UBND huyện Đông Hưng	Đầu tư cơ sở hạ tầng máy tính, hạ tầng mạng, đảm bảo an toàn thông tin	300
8	UBND huyện Vũ Thư	Thay thế, nâng cấp một số thiết bị CNTT đã hỏng. Mua sắm phần mềm bản quyền: diệt virus, phần mềm chuyên ngành	50
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cải tạo, thay thế, nâng cấp hệ thống mạng cơ quan: Mạng LAN, mạng không dây Trang bị máy tính, thiết bị văn phòng; thuê bao đường Internet; mua bản quyền phần mềm phục vụ công tác cơ quan	500
10	Ban Quản lý khu Kinh tế và các khu Công nghiệp tỉnh	Cải tạo, thay thế, nâng cấp hệ thống mạng cơ quan: Mạng LAN, mạng không dây; thay thế hệ thống máy tính, máy in, máy photocopy, điện thoại nội bộ, bảng thông báo điện tử	600
11	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh	Nâng cấp, tích hợp hệ thống Mạng LAN, phòng Máy chủ, thiết bị bảo mật cơ quan Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh Thay thế các Máy chiếu tại phòng họp; sửa chữa, thay thế thiết bị máy tính, máy in cho lãnh đạo, chuyên viên	450 200

STT	TÊN CƠ QUAN	NỘI DUNG ĐẦU TƯ	KINH PHÍ
12	UBND huyện Kiến Xương	Quản lý, duy trì, đảm bảo sự thông suốt hệ thống CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước	300
		Trang bị thiết bị để phát triển Chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của xã, thị trấn trên địa bàn huyện	45
<b>II</b>	<b>Phần mềm, cơ sở dữ liệu</b>		<b>3.500</b>
1	Sở Tài chính	Triển khai dịch vụ cấp mã số trực tuyến cấp độ 4	500
		Cung cấp thông tin về mã các đối tượng có quan hệ với ngân sách lên cổng thông tin điện tử của tỉnh phục vụ việc tra cứu thông tin	200
2	Sở Tư pháp	Duy trì hoạt động cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp	45
3	Sở Y tế	Triển khai phần mềm quản lý hoạt động trạm y tế xã, phường, thị trấn	1.030
		Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử đến các đơn vị y tế trong tỉnh	600
4	UBND huyện Vũ Thư	Quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử huyện	30
5	UBND huyện Kiến Xương	Nâng cấp trang tin điện tử huyện	55
6	Ban Quản lý khu Kinh tế và các khu Công nghiệp tỉnh	Xây dựng cơ sở dữ liệu chung, thống nhất khu kinh tế, khu công nghiệp, các doanh nghiệp theo hạng mục	560
		Nâng cấp Cổng thông tin điện tử	30
7	UBND huyện Quỳnh Phụ	Phát triển Cổng thông tin điện tử huyện	150
8	UBND huyện Hưng Hà	Phát triển Cổng thông tin điện tử huyện	100
9	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh	Nâng cấp cổng thông tin điện tử tỉnh	200
<b>III</b>	<b>Đào tạo tập huấn</b>		<b>378</b>
1	Sở Tài chính	Đào tạo chuyển giao công nghệ	120
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tập huấn sử dụng phần mềm ứng dụng CNTT	20
3	UBND huyện Đông Hưng	Đào tạo, tập huấn nhân lực về sử dụng ứng dụng CNTT	50
4	UBND huyện Quỳnh Phụ	Tập huấn cán bộ, công chức kế toán sử dụng chứng thư số để giao dịch dịch vụ công trực tuyến kho bạc nhà nước	50

STT	TÊN CƠ QUAN	NỘI DUNG ĐẦU TƯ	KINH PHÍ
		Tập huấn cán bộ, công chức sử dụng phần mềm dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận hồ sơ mức độ 3, 4	38
5	UBND huyện Hưng Hà	Tập huấn cán bộ, công chức kế toán sử dụng chứng thư số để giao dịch dịch vụ công trực tuyến Kho bạc Nhà nước	30
		Tập huấn cán bộ, công chức sử dụng phần mềm dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận hồ sơ mức độ 3, 4	30
6	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh	Đào tạo tập huấn nâng cao kiến thức tin học cho cán bộ, công chức; tập huấn, hướng dẫn sử dụng chứng thư số chuyên dùng cho cá nhân	40
<b>Tổng cộng</b>			<b>11.750</b>